

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-ST
Ngày: 31 – 12 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP,
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lì

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C1.

Địa chỉ: số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công T1, Chức vụ Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện C1, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng C1 có người đại diện ủy quyền ông Phạm Công T1 trình bày:

Ngày 12/4/2019 bà Ngô Thị Á có vay của Ngân hàng C1– Phòng giao dịch huyện C1, tỉnh Hậu Giang theo chương trình hộ nghèo, mục đích để trồng Cam, số tiền vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất cho vay 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ gốc 12 tháng/lần và lãi suất định kỳ vào ngày 12 hàng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Từ khi vay tiền, bà Ngô Thị Á chỉ thanh toán cho Ngân hàng C1 được số tiền lãi suất 8.075.507 đồng. Đến 19/9/2021 bà Ngô Thị Ánh C, gia đình bà Á là người thừa kế tài sản không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà Á gồm có ông Nguyễn Văn H (chồng bà Á) và anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 (các con của bà Á) thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31/12/2024, ông Phạm Công T1 là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 (là người thừa kế của bà Ngô Thị Á) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ tính đến ngày 31/12/2024 là 61.533.726 đồng (trong đó tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 11.533.726 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội có người đại diện ủy quyền ông Phạm Công T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội có người đại diện ủy quyền ông Phạm Công T1, bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, căn cứ Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xem như bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 đã từ bỏ việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo chương trình hộ nghèo là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất đến ngày xét xử là 11.533.726 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 08/4/2019 bà Ngô Thị Á có lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch huyện C1, tỉnh Hậu Giang số tiền 50.000.000 đồng, theo chương trình hộ nghèo, mục đích để trồng Cam, lãi suất cho vay 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ gốc 12 tháng/lần và lãi suất định kỳ vào ngày 12 hàng tháng, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay xác nhận phê duyệt của Ngân hàng ngày 11/4/2019. Tuy nhiên, từ khi vay tiền, bà Ngô Thị Á chỉ thanh toán cho Ngân hàng C1 được số tiền lãi suất 8.075.507 đồng. Đến 19/9/2021 bà Ngô Thị Ánh C, gia đình bà Á là người thừa kế tài sản không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà Á gồm có ông Nguyễn Văn H (chồng bà Á) và anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 (các con của bà Á) thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn cố tình không

thực hiện, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng C1.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1, khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

“1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại...”

Theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn Ngân hàng C1 cung cấp cho Toà án xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Ngô Thị Á gồm có ông Nguyễn Văn H (chồng bà Á) và anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 (các con của bà Á). Khi chết bà Ngô Thị Á không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Ngô Thị Á gồm chồng và các con bà Ngô Thị Á là người trực tiếp quản lý tài sản của bà Ngô Thị Á chết để lại. Vì vậy, ông Nguyễn Văn H cùng các con là anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng C1. Do đó, yêu cầu của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Vì vậy, Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H (chồng bà Á) và anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 (các con của bà Á) trả số tiền vay 50.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 phải trả lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/4/2019 xác nhận phê duyệt của Ngân hàng ngày 11/4/2019 số tiền lãi suất tính đến ngày 31/12/2024 là 11.533.726 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ...theo quy định pháp luật*”. Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Sau khi vay bà Á đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất cho Ngân hàng C1 nhưng từ khi bà Á chết thì ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng đúng như hợp đồng đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng C1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 trả lãi đến ngày xét xử với số tiền 11.533.726 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.076.686 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 1, khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C1.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ tính đến ngày 31/12/2024 là 61.533.726 đồng (*Sáu mươi một triệu, năm trăm ba*

mười ba nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), trong đó tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 11.533.726 đồng (Mười một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng chính sách xã hội theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/4/2019, xác nhận phê duyệt của Ngân hàng ngày 11/4/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn T2 phải chịu nộp 3.076.686 đồng (*Ba triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil